

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THPT

MÔN SINH HỌC

**Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,
áp dụng từ năm học 2009-2010**

A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PPCT CẤP THPT

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung Phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho các lớp cấp THPT từ năm học 2009-2010, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT (*một số phần có sự điều chỉnh so với năm học 2008-2009*).

1. Về khung Phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kỳ tương ứng với các phần đó.

Thời lượng nói trên quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THPT trong cả nước.

Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả chủ đề tự chọn nâng cao (nếu có) cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THPT thuộc quyền quản lí. Các trường THPT có điều kiện bố trí giáo viên (GV) và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể đề nghị đề Sở GDĐT phê chuẩn điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

2. Về Phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Môn học tự chọn nâng cao (NC) của ban Cơ bản có thể thực hiện bằng 1 trong 2 cách: Sử dụng SGK nâng cao hoặc sử dụng SGK biên soạn theo chương trình chuẩn kết hợp với chủ đề tự chọn nâng cao (CĐNC) của môn học đó. CĐNC của 8 môn phân hóa chỉ dùng cho ban Cơ bản. Thời lượng dạy học CĐNC của môn học là khoảng chênh lệch giữa thời lượng dành cho chương trình chuẩn và chương trình nâng cao môn học đó trong Kế hoạch giáo dục THPT. Các Sở GDĐT quy định cụ thể PPCT các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của SGK môn học đó. Tài liệu CĐNC sử dụng cho cả GV và HS.

b) Dạy học chủ đề tự chọn bám sát (CĐBS) là đề *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng*, không bổ sung kiến thức nâng cao mới. Hiệu trưởng các trường THPT lập Kế hoạch dạy học CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề nghị của các tổ trưởng chuyên môn và GV chủ nhiệm lớp.

Bộ đã ban hành tài liệu CĐBS lớp 10, dùng cho GV để tham khảo, không ban hành tài liệu CĐBS lớp 11, 12. GV chuẩn bị giáo án CĐBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

c) Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐNC, CĐBS các môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS và HS THPT* của Bộ GDĐT.

Lưu ý: Các bài dạy CĐNC, CĐBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐNC, CĐBS môn học nào tính cho môn học đó.

3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công GV thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với GV được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL) và Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và GV chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

b) Thực hiện tích hợp giữa HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD như sau:

- + Lớp 10, ở chủ đề về đạo đức;
- + Lớp 11, các chủ đề về kinh tế và chính trị - xã hội;
- + Lớp 12, ở các chủ đề về pháp luật.

Đưa nội dung giáo dục về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 10 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN:

Các lớp 10, 11, 12: Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi tích hợp đưa sang dạy ở môn Công nghệ (*phần "Tạo lập doanh nghiệp" lớp 10*) và tích hợp đưa sang HĐGDNGLL (do GV môn Công nghệ, GV HĐGDNGLL thực hiện) ở 3 chủ đề sau đây:

- + "*Thanh niên với vấn đề lập nghiệp*", chủ đề tháng 3;
- + "*Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*", chủ đề tháng 9;
- + "*Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*", chủ đề tháng 12.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn hoặc uỷ quyền cho các trường THPT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn HS lựa chọn con đường học lên sau THPT (ĐH, CĐ, TCCN...) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho GV hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

c) HĐGD nghề phổ thông:

Nơi có đủ GV đào tạo đúng chuyên môn, đủ CSVC phải thực hiện HĐGDNPT ở lớp 11, tổ chức thi và cấp chứng chỉ GDNPT sau khi hoàn thành chương trình 105 tiết đạt yêu cầu trở lên; nơi chưa đủ GV đào tạo đúng chuyên môn, chưa đủ CSVC có thể chưa thực hiện chương trình HĐGDNPT nhưng phải khẩn trương khắc phục, không để kéo dài. Các vấn đề cụ thể về HĐGDNPT, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 8608/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GDĐT.

4. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình (căn cứ chuẩn của chương trình cấp THPT và đối chiếu với hướng dẫn thực hiện của Bộ GDĐT);

- + Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của HS và vai trò chủ đạo của GV;
- + Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của GV và HS, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;
- + Sử dụng hợp lý SGK khi giảng bài trên lớp, tránh tình trạng yêu cầu HS ghi chép quá nhiều theo lối đọc - chép;
- + Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng hợp lý công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;
- + GV sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên HS học tập, tổ chức hợp lý cho HS làm việc cá nhân và theo nhóm;
- + Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng HS khá giỏi và giúp đỡ HS yếu kém.
- Đối với môn Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích như yêu cầu đào tạo vận động viên.
- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng GV và dự giờ thăm lớp của GV, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi GV giỏi các cấp.
- b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):
- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:
- + GV đánh giá sát đúng trình độ HS với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn HS biết tự đánh giá năng lực của mình;
- + Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của HS, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.
- + Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại HS THCS, HS THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.
- Đổi mới đánh giá các môn Mĩ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Đánh giá bằng điểm hoặc bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại HS THCS, HS THPT.
- c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần từng bước đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi HS phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.
- d) Từ năm học 2009-2010, tập trung chỉ đạo đổi mới KTĐG thúc đẩy đổi mới PPDH các môn học và hoạt động giáo dục, khắc phục tình trạng dạy học theo lối đọc-chép.

5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương (như hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008)

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN SINH HỌC

1. Tổ chức dạy học

– Năm học 2009-2010, thời gian thực học cả năm học là 37 tuần, có thể có tuần không có tiết học môn Sinh học. Thời lượng của môn Sinh học lớp 10 là 35 tiết trong cả năm học. Thời lượng của môn Sinh học lớp 10 nâng cao là 52 tiết trong cả năm học. Thời lượng của môn Sinh học lớp 11 (chuẩn, nâng cao) là 52 tiết trong cả năm học. Thời lượng của môn Sinh học lớp 12 là 52 tiết trong cả năm học. Thời lượng của môn Sinh học lớp 12 nâng cao là 70 tiết trong cả năm học.

– Phải đảm bảo dạy đủ số tiết thực hành của từng chương và của cả năm học. Trong điều kiện có thể, các trường nên bố trí các tiết thực hành vào 1 buổi để tạo thuận lợi cho giáo viên và học sinh khi dạy học.

+ Lớp 10 là 05 tiết (có thể bố trí vào 02 buổi) với các nội dung: Thí nghiệm co và phản co nguyên sinh, một số thí nghiệm về enzym, quan sát các kì của nguyên phân trên tiêu bản rễ hành, lên men êtilic và lactic, quan sát một số vi sinh vật.

+ Lớp 10 nâng cao là 10 tiết (có thể bố trí vào 03 - 04 buổi) với các nội dung: Đa dạng thế giới sinh vật, thí nghiệm nhận biết một số thành phần hóa học của tế bào, quan sát tế bào dưới kính hiển vi, thí nghiệm co và phản co nguyên sinh, thí nghiệm sự thẩm thấu và tính thấm của tế bào, một số thí nghiệm về enzym, quan sát các kì của nguyên phân qua tiêu bản tạm thời hay cố định, lên men êtilic, lên men lactic, quan sát một số vi sinh vật, tìm hiểu một số bệnh truyền nhiễm phổ biến ở địa phương.

+ Lớp 11 là 08 tiết (có thể bố trí vào 03 buổi) với các nội dung: Thí nghiệm thoát hơi nước và thí nghiệm về vai trò của phân bón, phát hiện diệp lục và carôtenôit, phát hiện hô hấp ở thực vật, đo một số chỉ tiêu sinh lý của người, hướng động, xem phim về tập tính động vật, xem phim về sinh trưởng phát triển ở động vật, nhân giống vô tính ở thực vật bằng giâm, chiết, ghép.

+ Lớp 11 nâng cao là 08 tiết (có thể bố trí vào 03 buổi) với các nội dung: Thoát hơi nước và bố trí thí nghiệm về phân bón, tách chiết sắc tố từ lá và tách các nhóm sắc tố bằng phương pháp hóa học, chứng minh quá trình hô hấp tỏa nhiệt, tìm hiểu hoạt động của tim ếch, hướng động, xem phim về tập tính một số động vật, quan sát sinh trưởng phát triển của một số động vật, nhân giống giâm, chiết, ghép ở thực vật.

+ Lớp 12 là 03 tiết (có thể bố trí vào 01 - 02 buổi) với các nội dung: Quan sát các dạng đột biến số lượng nhiễm sắc thể trên tiêu bản cố định và trên tiêu bản tạm thời, lai giống, quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

+ Lớp 12 nâng cao là 06 tiết (có thể bố trí vào 02 - 03 buổi) với các nội dung: Xem phim về cơ chế nhân đôi ADN, phiên mã và dịch mã. Quan sát các dạng đột biến số lượng nhiễm sắc thể trên tiêu bản cố định. Lai giống. Bằng chứng về nguồn gốc động vật của loài người. Khảo sát vi khí hậu của một khu vực. Tính độ phong phú của loài và kích thước quần thể theo phương pháp đánh bắt thả lại.

– Các nội dung lí thuyết và thực hành phải được dạy học theo đúng trình tự ghi trong phân phối chương trình (PPCT) do Sở GDĐT quy định cụ thể dựa trên Khung PPCT của Bộ GDĐT.

– Cuối mỗi học kì, có 1 tiết ôn tập, 1 tiết kiểm tra học kì.

– Các tiết *Bài tập*, *Ôn tập*, Sở GDĐT cần quy định nội dung cụ thể, căn cứ tình hình thực tế để định ra những nội dung cho các tiết *Bài tập*, *Ôn tập* đảm bảo đủ các kiến thức, kĩ năng theo yêu cầu. Nên lựa chọn, xây dựng nội dung cho các tiết *Bài tập* và *Ôn tập* nhằm mục đích củng cố kiến thức hay rèn luyện kĩ năng, hình thức có thể là làm bài tập trên lớp học và giao bài tập cho học sinh làm thêm ở nhà.

– Tùy tình hình thực tế, có thể kéo dài hoặc rút ngắn thời lượng giảng dạy đã được phân cho một nội dung nào đó (thời lượng thực hành *không* được rút ngắn). Tuy nhiên,

việc kéo dài hoặc rút ngắn vẫn phải đảm bảo dạy đủ các nội dung kiến thức cơ bản được quy định trong chuẩn kiến thức.

– Đối với các học sinh giỏi, giáo viên chọn các bài đọc thêm trong sách giáo khoa, xây dựng thêm các *Bài tập và thực hành*, để củng cố, hệ thống và nhất là chuẩn xác hoá các kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu. Đồng thời trong tiết *Bài tập và thực hành* giáo viên nên phân loại, chia nhóm, bố trí chỗ ngồi để học sinh có thể giúp đỡ nhau nâng cao hiệu quả của tiết học.

– Ở một số nội dung, việc học lí thuyết sẽ hiệu quả hơn nếu sử dụng máy vi tính, phần mềm, tranh, ảnh, sơ đồ trực quan. Bộ đã cung cấp các đĩa CD về nội dung Sinh học 10; Sinh học 11; Sinh học 12 nên các đơn vị cần đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Sinh học. Năm học này Bộ GDĐT đã tổ chức tập huấn cho giáo viên cốt cán về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Sinh học, các Sở GDĐT cần phổ biến tới tất cả giáo viên dựa trên tài liệu mà Bộ đã cung cấp.

- Cần triển khai thực hiện việc tích hợp nội dung *Giáo dục môi trường; Giáo dục bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Giáo dục sử dụng tiết kiệm năng lượng* theo tài liệu mà Bộ đã cung cấp.

2. Kiểm tra, đánh giá

– Phải thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, khi ra đề kiểm tra (*dưới 1 tiết, 1 tiết, học kì*) phải bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình. Giáo viên kiểm tra tự luận và trắc nghiệm trong quá trình dạy học để đánh giá và quan trọng hơn là giúp học sinh tự đánh giá quá trình học tập. Khi kiểm tra bằng trắc nghiệm khách quan không nên chỉ dùng một hình thức duy nhất là sử dụng câu hỏi đa lựa chọn mà sử dụng nhiều loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan khác nhau.

– Trong cả năm học phải dành 04 tiết để kiểm tra. Trong đó có 02 tiết dành cho kiểm tra học kì (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết); 02 tiết kiểm tra một tiết (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết); kiểm tra thực hành được đánh giá trong tất cả các bài thực hành.

Đánh giá bài thực hành của học sinh bao gồm 2 phần:

- + Phần đánh giá kỹ năng thực hành, kết quả thực hành;
- + Phần đánh giá báo cáo thực hành.

Điểm của bài thực hành bằng trung bình cộng điểm của hai phần trên.

Giáo viên có thể tính điểm bình quân các bài thực hành trong mỗi học kì hoặc lấy điểm bài đạt điểm cao nhất của học sinh nhưng phải đảm bảo mỗi học kì có ít nhất một điểm. Sau mỗi tiết *Bài tập và thực hành* phải có đánh giá và cho điểm. Phải dùng điểm này làm ít nhất 1 điểm (hệ số 1) trong các điểm để xếp loại học lực của học sinh.

– Phải đảm bảo thực hiện đúng, đủ các tiết kiểm tra, kiểm tra thực hành, kiểm tra học kì như trong PPCT.

– Phải đánh giá được cả kiến thức, kỹ năng, cả lí thuyết và thực hành và phải theo nội dung, mức độ yêu cầu được quy định trong chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình môn học.

– Sở GDĐT hướng dẫn về kiểm tra miệng, kiểm tra dưới 45 phút để đảm bảo đủ số lượng điểm kiểm tra theo quy định.

– Việc kiểm tra học kì phải được thực hiện ở cả hai nội dung lí thuyết và thực hành. Tỷ lệ điểm phần lí thuyết và điểm phần thực hành của bài kiểm tra học kì có thể cân đối: lí thuyết 60-70% và thực hành 30-40%. Giáo viên tự lựa chọn một trong hai tỉ lệ nêu trên cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc kiểm tra học kì có thể được tiến hành theo 1 trong 2 cách sau:

+ *Cách 1*: Nếu có đủ điều kiện, thì tiến hành kiểm tra cả lí thuyết và thực hành trong tiết kiểm tra học kì. Giáo viên tự phân chia hợp lí thời lượng của tiết kiểm tra học kì cho phần lí thuyết và phần thực hành (kiểm tra thực hành trên giấy).

+ *Cách 2*: Trong tiết kiểm tra học kì chỉ kiểm tra và lấy điểm phần lí thuyết, còn điểm phần thực hành được lấy bằng cách tính trung bình điểm các bài thực hành trong học kì.

– Do đặc trưng của môn học thuận lợi cho việc áp dụng hình thức trắc nghiệm khách quan nên giáo viên cần lưu ý tận dụng ưu thế này để tăng cường sử dụng hình thức trắc nghiệm khách quan trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh. Giáo viên cần có kế hoạch phối hợp cả 2 hình thức để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

LỚP 10

Cả năm: 37 tuần - 35 tiết

Học kì I: 19 tuần - 19 tiết

Học kì II: 18 tuần - 16 tiết

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Phần I. Giới thiệu chung về thế giới sống	02	-	-	-	-
Phần II. Sinh học tế bào	03	-	-	-	-
Chương I. Thành phần hóa học của tế bào					
Chương II. Cấu trúc của tế bào	04	01	01	-	01
Chương III. Chuyển hóa vật chất và năng lượng trong tế bào	04	-	01	01	01
Chương IV. Phân bào	02	-	01	-	-
Phần III. Sinh học vi sinh vật					
Chương I: Chuyển hóa vật chất và năng lượng ở vi sinh vật	02	-	01	-	-
Chương II: Sinh trưởng và phát triển ở vi sinh vật	02	-	01	-	01
Chương III: Vi rút – Bệnh truyền nhiễm và miễn dịch	03	01	-	01	01
Tổng cộng	22	02	05	02	04

LỚP 10 (NÂNG CAO)
Cả năm: 37 tuần - 52 tiết
Học kì I: 19 tuần - 27 tiết
Học kì II: 18 tuần - 25 tiết

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Phần I. Giới thiệu chung về thế giới sống	03	-	01	-	-
Phần II. Sinh học tế bào	05	-	01	-	-
Chương I. Thành phần hóa học của tế bào					
Chương II. Cấu trúc của tế bào	06	01	02	-	01
Chương III. Chuyển hóa vật chất và năng lượng trong tế bào	06	-	01	01	01
Chương IV. Phân bào	03	01	01	0	0
Phần III. Sinh học vi sinh vật					
Chương I: Chuyển hóa vật chất và năng lượng ở vi sinh vật	02	-	02	-	-
Chương II: Sinh trưởng và phát triển ở vi sinh vật	04	01	01	-	01
Chương III: Vi rút – Bệnh truyền nhiễm và miễn dịch	04	-	01	01	01
Tổng cộng	33	03	10	02	04

LỚP 11

Cả năm: 37 tuần - 52 tiết
Học kì I: 19 tuần - 27 tiết
Học kì II: 18 tuần - 25 tiết

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Phần IV : Sinh học cơ thể					
Chương I. Chuyển hoá vật chất và năng lượng	15	01	04	-	01
Chương II. Cảm ứng	09	-	02	01	01
Chương III. Sinh trưởng và phát triển	06	-	01	-	01
Chương IV. Sinh sản	06	01	01	01	01
Tổng cộng	36	02	08	02	04

LỚP 11 (NÂNG CAO)
Cả năm : 37 tuần - 52 tiết
Học kì I: 19 tuần - 27 tiết
Học kì II: 18 tuần - 25 tiết

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
Phần IV : Sinh học cơ chế Chương I. Chuyển hoá vật chất và năng lượng	15	01	04	-	01
Chương II. Cảm ứng	09	-	02	01	01
Chương III. Sinh trưởng và phát triển	06	-	01	-	01
Chương IV. Sinh sản	06	01	01	01	01
Tổng cộng	36	02	08	02	04

LỚP 12
Cả năm : 37 tuần - 52 tiết
Học kì I: 19 tuần - 27 tiết
Học kì II: 18 tuần - 25 tiết

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
<i>Phần năm. DI TRUYỀN HỌC</i>					
<i>Chương I. Cơ chế di truyền và biến dị</i>	06	-	01	-	-
<i>Chương II. Tính quy luật của hiện tượng di truyền</i>	06	01	01	-	01
<i>Chương III. Di truyền học quần thể</i>	02	-	-	-	-
<i>Chương IV. Ứng dụng di truyền học</i>	03	-	-	-	-
<i>Chương V. Di truyền học người</i>	02	-	-	01	01
<i>Phần sáu. TIỀN HOÁ</i>					
<i>Chương I. Bằng chứng và cơ chế tiến hoá</i>	08	-	-	-	-
<i>Chương II. Sự phát sinh và phát triển sự sống trên trái đất</i>	03	-	-	-	01
<i>Phần bảy. SINH THÁI HỌC</i>					
<i>Chương I. Cá thể và quần thể sinh vật</i>	05	-	-	-	-
<i>Chương II. Quần xã sinh vật</i>	02	-	-	-	-
<i>Chương IV. Hệ sinh thái, sinh quyển và bảo vệ môi trường</i>	04	01	01	02	01
Tổng cộng	40	02	03	03	04

LỚP 12 (NÂNG CAO)
Cả năm: 37 tuần - 70 tiết
Học kì I: 19 tuần - 36 tiết
Học kì II: 18 tuần - 34 tiết

Nội dung	Số tiết				
	Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra
<i>Phần năm. DI TRUYỀN HỌC</i>					
<i>Chương I. Cơ chế di truyền và biến dị</i>	07	01	02	-	-
<i>Chương II. Tính quy luật của hiện tượng di truyền</i>	07	01	01	-	01
<i>Chương III. Di truyền học quần thể</i>	02	-	-	-	-
<i>Chương IV. Ứng dụng di truyền học</i>	05	-	-	-	-
<i>Chương V. Di truyền học người</i>	03	01	-	01	-
<i>Phần sáu. TIỀN HOÁ</i>					
<i>Chương I. Bằng chứng tiến hoá</i>	03	-	-	-	01
<i>Chương II. Nguyên nhân và cơ chế tiến hoá</i>	08	-	-	-	-
<i>Chương III. Sự phát sinh và phát triển sự sống trên trái đất</i>	03	-	01	-	01
<i>Phần bảy. SINH THÁI HỌC</i>					
<i>Chương I. Cơ thể và môi trường</i>	03	-	01	-	-
<i>Chương II. Quần thể sinh vật</i>	04	-	-	-	-
<i>Chương III. Quần xã sinh vật</i>	04	-	01	-	-
<i>Chương IV. Hệ sinh thái, sinh quyển và sinh thái học với quản lí tài nguyên thiên nhiên</i>	04	01	-	02	01
Tổng cộng	53	04	06	03	04